

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-5- 2020

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Ông Bùi Huy Tuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đỗ Văn B, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Phạm Thị H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Đỗ Văn B trình bày: Ông kết hôn với bà Phạm Thị H từ năm 1988 trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng hai bên không đi đăng ký kết hôn; những năm trước đây vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2000 đến nay mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng căng thẳng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, đôi khi còn xảy ra đánh nhau. Đầu năm 2007,

bà Hà bỏ về quê ngoại ở thôn C, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Phạm Thị H được ly hôn nhau.

Vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Đỗ Văn B, sinh ngày 10/11/1988 và cháu Đỗ Thị Y, sinh ngày 10/8/1991. Do cháu B và cháu Y đã trưởng thành, đã đi làm tự nuôi sống được bản thân nên ông không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên tòa, ông B giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày ở trên.

2. Bị đơn là bà Phạm Thị H trình bày: Bà xác nhận ông Đỗ Văn B trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau ở thôn C, xã T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được khoảng 01 năm thì chuyển về quê chồng sinh sống; vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2000 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2007 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông B xin ly hôn, bà hoàn toàn nhất trí.

Bà H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như ông B trình bày là đúng, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày ở trên.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Văn B và bà Phạm Thị H; ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn B và bà Phạm Thị H kết hôn với nhau năm 1988 trên cơ sở có sự thỏa thuận và tự nguyện, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; sau khi Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực thi hành, ông B và bà H không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; việc ông B và bà H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông B yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà H là đúng quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: ông B và bà H có 02 con chung là cháu Đỗ Văn B, sinh ngày 10/11/1988 và cháu Đỗ Thị Y, sinh ngày 10/8/1991. Do các con đều đã thành niên nên hai bên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng là đúng quy định, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông B yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Văn B và bà Phạm Thị H.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/007143 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động; ông B không phải nộp án phí nữa.

Các đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục THADS huyện SD
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng